TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Nguyễn Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Anh Đ; cư trú tại: Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị D; cư trú tại: phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn T; cư trú tại:, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải nguyên đơn là ông Lưu Anh Đ trình bày: Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng TMCP S, ông đã quen biết với bà D khi bà làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Qua đó, ông biết bà D có cơ sở kinh doanh tại chợ Tân Bình, có tài sản thế chấp tại Ngân hàng nên có khả năng trả nợ vay. Vì vậy, khi bà D đặt vấn đề vay tiền của ông thì ông đã đồng ý cho vay mà không yêu cầu thế chấp tài sản. Ông bắt đầu cho bà D vay tiền nhiều lần từ tháng 6 năm 2016 với số tiền nhỏ và bà D

đã thanh toán hết. Việc trả nợ đúng hạn đã làm ông tin tưởng khả năng trả nợ của bà D nên đã tiếp tục cho vay số tiền lớn hơn. Từ ngày 12/9/2016 đến ngày 13/01/2017, ông đã cho bà D vay 1.300.000.000 đồng, gồm bốn lần như sau:

- Ngày 19/12/2016 vay 500.000.000 đồng và hẹn 60 ngày sẽ trả.

- Ngày 04/01/2017 vay 100.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả.

- Ngày 08/01/2017 vay 500.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả.

- Ngày 13/01/2017 vay 200.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả.

Mỗi lần cho vay, ông đều yêu cầu bà D viết Giấy mượn tiền. Ông xác định toàn bộ chữ viết tay về ngày tháng năm, số tiền vay, họ tên và chữ ký trong Giấy mượn tiền là của bà D; ông cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp lời khai của ông là gian dối. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất: 3%/tháng nhưng không lập văn bản về thỏa thuận lãi này.

Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay, bà D không trả cho ông bất kỳ khoản tiền nợ gốc hay lãi nào. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D phải trả tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là 100.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông tự nguyện không yêu cầu bà D trả lãi vì ông biết bà D đang thiếu nợ nhiều người và hai bên không thỏa thuận về lãi suất tại Giấy vay mượn tiền. Ông xác định ông T là chồng bà D không biết, không liên quan đến việc vay mượn tiền của bà D, không yêu cầu ông T liên đới trả nợ.

Bị đơn là bà D không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi được tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn T (chồng của bà D) trình bày: Ông xác định hoàn toàn không biết, không liên quan đến việc vay mượn tiền của bà D và ông Đ. Bà D đã bỏ nhà đi từ cuối tháng 03/2017, hiện không biết ở đâu, không liên lạc được. Do đó, ông cũng không xác định được bà D có vay mượn tiền của Đ hay không, không biết bà D sử dụng tiền vào mục đích gì. Bà D không góp bất kỳ khoản tiền nào cho việc mua sắm tài sản, sử dụng cho mục đích chung của gia đình. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bà D vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệp tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2017, ông T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 25/9/2017, Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện ông Lưu Anh Đ yêu cầu tòa án buộc bà Lê Thị D trả nợ gốc và lãi theo các giấy vay tiền là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo xác minh của Công an phường T, quận Tân Phú thì bà D có hộ khẩu thường trú tại đại chỉ phường T, quận Tân Phú nhưng đã chuyển đi nơi khác từ tháng 04/2017, không rõ địa chỉ. Việc bà D chuyển đi nơi khác không thông báo cho phía nguyên đơn, chính quyền địa phương là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Xét đây là tranh chấp hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lần thứ hai nhưng bà D vẫn vắng mặt không rõ lý do, Đ và ông T đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của ông Đ: Theo lời khai của ông Đ và nội dung 04 "Giấy mượn tiền" mà ông Đ giao nộp thì bà D đã vay của Đ tổng cộng 1.300.000.000 đồng, cụ thể: Giấy mượn tiền ngày 19/12/2016 vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 ngày; Giấy mượn tiền ngày 04/01/2017 vay 100.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày; Giấy mượn tiền ngày 08/01/2017 vay 500.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày; và Giấy mượn tiền ngày 13/01/2017 vay 200.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày. Đ cam kết chữ viết tay và chữ ký trong Giấy mượn tiền đều là của bà D.

Bà D không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của ông Đ, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và khi xét xử mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Ông T là chồng bà D xác định hoàn toàn không biết và không liên quan đến việc bà D vay mượn tiền. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của ông Đ và 04 "Giấy mượn tiền" vừa nêu, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định bà D đã vay của Đ 04 lần, tổng cộng 1.300.000.000 đồng và bà D vẫn chưa trả cho ông Đ bất kỳ khoản tiền nào, vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu của ông Đ về việc buộc bà D trả lại số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng, thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc không yêu cầu bà D trả lãi.

[5] Ông Đ, ông T đều xác định ông T không liên quan đến việc vay tiền của bà D, không có yêu cầu liên đới trả nợ nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về các hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và bà D trước ngày 19/12/2016,

Đ xác định hai bên đã thanh toán xong, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà có nghĩa vụ trả nợ là 1.300.000.000 đồng. Án phí bà D phải chịu là 51.000.000 đồng.

[8] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 , điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Anh Đ.

Buộc bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Anh Đ số tiền nợ gốc 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc không yêu cầu bà D trả lãi.

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà D không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bà D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà D phải chịu 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Đ 27.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0026497 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Đ, ông T, bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông